



Mã số: 250628/2610:1/QTMT/REC

Tp. HCM, ngày 08 tháng 07 năm 2025

## KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

- Đơn vị yêu cầu: **CHI NHÁNH LIÊN HIỆP HỢP TÁC XÃ THƯƠNG MẠI TP. HỒ CHÍ MINH - CO.OPMART TÂN AN**
- Địa chỉ: Số 01 Mai Thị Tốt, Phường 1, Thành phố Tân An, tỉnh Long An
- Tên mẫu: Nước thải. Số lượng: 01 mẫu.

| STT | MÃ SỐ MẪU  | KÝ HIỆU/VỊ TRÍ LẤY MẪU                                                      |
|-----|------------|-----------------------------------------------------------------------------|
| 1   | NT6.250628 | 0628/NT/U-COM-TA/1: Sau HTXL nước thải<br>(Tọa độ: X = 1165137; Y = 572216) |

4. Ngày lấy mẫu: 28/06/2025

5. Kết quả thử nghiệm:

| STT | THÔNG SỐ/ ĐƠN VỊ                    |           | PHƯƠNG PHÁP THỬ NGHIỆM                           | KẾT QUẢ        | QCVN 14:2008/BTNMT Cột A |
|-----|-------------------------------------|-----------|--------------------------------------------------|----------------|--------------------------|
|     |                                     |           |                                                  | NT6.250628     |                          |
| 1   | pH (a)(b)                           | --        | TCVN 6492:2011                                   | 6,71           | 5 - 9                    |
| 2   | BOD <sub>5</sub> (a)                | mg/L      | SMEWW 5210B:2023                                 | 28             | 30                       |
| 3   | TSS(a)                              | mg/L      | TCVN 6625:2000                                   | < 18           | 50                       |
| 4   | Dầu mỡ ĐTV(a)                       | mg/L      | SMEWW 5520.B&F:2023                              | < 3            | 10                       |
| 5   | TDS(a)(b)                           | mg/L      | PPNB01/HDHT/REC                                  | 405            | 500                      |
| 6   | S <sup>2-</sup> (a)                 | mg/L      | SMEWW 4500-S <sup>2-</sup> .B&D:2023             | KPH (MDL=0,05) | 1                        |
| 7   | P_PO <sub>4</sub> <sup>3-</sup> (a) | mg/L      | SMEWW 4500-PO <sub>4</sub> <sup>3-</sup> .E:2023 | 0,37           | 6                        |
| 8   | N_NO <sub>3</sub> <sup>-</sup> (a)  | mg/L      | SMEWW 4500-NO <sub>3</sub> <sup>-</sup> .E:2023  | 0,71           | 30                       |
| 9   | N_NH <sub>4</sub> <sup>+</sup> (a)  | mg/L      | SMEWW 4500-NH <sub>3</sub> .B&F:2023             | < 0,18         | 5                        |
| 10  | Chất hoạt động bề mặt(a)            | mg/L      | SMEWW 5540.B&C:2023                              | < 0,20         | 5                        |
| 11  | Coliform(c)                         | MPN/100mL | SMEWW 9221B:2023                                 | KPH (MDL=1,8)  | 3.000                    |

**Ghi chú:** Dấu (--): không quy định; KPH: không phát hiện; MDL: giới hạn phát hiện

Cán bộ QC: Dương Hoàng Thanh Thảo

**P. Phòng thí nghiệm**

**Dương Hoàng Thanh Thảo**



**KT. Giám đốc**

**Tạ Công Uẩn**

- Không được trích sao một phần phiếu kết quả thử nghiệm này nếu không được sự đồng ý của Trung tâm NC & TV Môi trường (REC).
- Dấu (a): Chỉ tiêu được Vimcerts công nhận; Dấu (b): Chỉ tiêu thực hiện tại hiện trường.
- Dấu (c): Chỉ tiêu do NTP – Vimcert 292 thực hiện
- Kết quả chỉ có giá trị đối với mẫu thử nghiệm